TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2023/DS-PT
Ngày: 23- 5 - 2023
V/v: " Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Lạc

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Ánh Bình

Bà Võ Thị Mỹ Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Nhơn – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Đoàn Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/TLPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2022 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2022/DSST ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 76/2023/QĐ-PT ngày 18 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phùng Ngọc Q, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 71/10/13, khóm 2, phường A, Thành phố V, tỉnh L.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: anh Phùng Đức T, sinh năm 1979

Địa chỉ: số 207/16E khóm 4, phường B, Thành phố V, tỉnh L

- *Bị đơn:* Ông Châu Hùng Tr, sinh năm 1966.

Đại diện bị đơn: Bà Trần Nguyệt Th, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: 79/3B, khóm 1, phường B, Thành phố V, tỉnh L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị M – Luật sư – Chi nhánh Văn phòng luật sư C – Thuộc đoàn luật sư tỉnh Đ

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1/ Bà Trần Nguyệt Th, sinh năm 1969.

2/ Chị Châu Linh Th1, sinh năm 1990

3/ Chị Châu Yến N, sinh năm 2000

Cùng địa chỉ: 79/3B, khóm 1, phường B, Thành phố V, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Th1, chị N: Bà Trần Nguyệt Th (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/11/2020)

- *Người kháng cáo:*

- Bị đơn: Châu Hùng Tr

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà Trần Nguyệt Th, Châu Linh Th1, Châu Yến N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/7/2020, các đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/7/2020, 30/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án anh Phùng Đức T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Phùng Ngọc Q trình bày như sau:

Anh Phùng Ngọc Q là chủ sử dụng thửa đất số 329, tờ bản đồ số 24, diện tích 771.7m^2, tọa lạc tại Khóm 1, Phường B, thành phố V, tỉnh L đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V chỉnh lý trang 3 giấy chứng nhận, ngày 21/4/2020. Nguồn gốc thửa đất là do anh Q nhận chuyển nhượng của ông Phùng Văn P vào ngày 21/3/2020. Sau khi chuyển nhượng thì anh Q đo đạc lại phần đất của anh để cắm cọc ranh thì phát hiện ông Châu Hùng Tr là chủ sử dụng thửa đất số 344, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại Khóm 1, Phường B, thành phố V, tỉnh L đã xây cất nhà lấn chiếm đất của anh khoảng 30m^2. Nhà có kết cấu vách lá, cột cây, nền đất, mái tole và 01 nhà vệ sinh có kết cấu bằng gạch, giá trị căn nhà khoảng 2.000.000 đồng. Anh Q có yêu cầu ông Tr và những người ở trong căn nhà trên tháo dỡ phần xây cất lấn chiếm trả đất lại cho anh, anh hỗ trợ chi phí di dời là 2.000.000 đồng nhưng ông Tr bà Th không đồng ý. Nay anh Q yêu cầu ông Tr bà Th di dời tài sản của ông bà ra khỏi phần đất của anh, anh Q không hỗ trợ chi phí di dời, không đồng ý cho thời gian cho lưu cư.

Bà Trần Nguyệt Th đại diện hợp pháp cho ông Châu Hùng Tr trình bày: Ông Châu Hùng Tr là chủ sử dụng thửa đất số 344, tờ bản đồ số 24, diện tích 570.1m^2 tọa lạc tại Khóm 1, Phường B, thành phố V tỉnh L. Nguồn gốc thửa đất này là ông Tr nhận chuyển nhượng của ông Phùng Văn P vào ngày 13/9/2018. Anh Phùng Ngọc Q yêu cầu vợ chồng ông và các con của ông di dời tài sản để trả đất lại cho anh Q, ông Tr không đồng ý vì vào năm 2009 giữa ông Tr và ông Phùng Văn P bà Lê Thị B có thỏa thuận là ông P bà B để vợ chồng ông Tr vô giữ vườn cho ông P bà B tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 24, diện tích 1547,7m^2 tọa lạc tại Khóm 1, Phường B, thành phố V tỉnh L . Đến năm 2016 thì ông P bà B bán cho vợ chồng ông thửa đất trên với giá 900.000.000 đồng các bên thỏa thuận có làm biên nhận ngày 31/10/2016. Sau đó, vợ chồng ông Tr có trả cho ông P bà B nhiều lần. Đến ngày 13/9/2018 ông P, bà B và ông Tr ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng chỉ chuyển nhượng có ½ thửa đất trên, diện tích cụ thể là 770,1m^2, với giá là 450.000.000 đồng, ông P bà B có hứa khi nào vợ chồng ông có tiền thì sẽ bán phần còn lại cho vợ chồng ông, hiện tại chưa có tiền thì sử dụng phần còn lại. Ngày 11/01/2019 ông Tr tách thửa đất đã mua của ông P thành 02 thửa là thửa 344, diện tích 570,1m^2, thửa 345 có diện tích 200m^2. Năm 2020, anh Phùng Ngọc Q vô đất cắm ranh thì ông Tr mới biết ông P bà B đã bán đất cho anh Q.

Ngày 01/12/2020, ông Tr có đơn phản tố yêu cầu Tòa án xem xét giữ lại phần đất ngang 3m, dài 12,3m mà vợ chồng ông đã xây dựng nhà để ở, không đồng ý tháo dỡ công trình để trả đất cho anh Q, vợ chồng ông không có tranh chấp với anh Q.

Anh Phùng Đức T đại diện hợp pháp cho anh Phùng Ngọc Q và bà Trần Nguyệt Th đại diện hợp pháp cho ông Châu Hùng Tr, chị Châu Linh Th1, Châu Yến L cùng thống nhất: Kết quả đo đạc ngày 18/3/2021; Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 16/4/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V; Công văn phúc đáp số 76/PTNMT ngày 04/5/2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V; Biên bản định giá ngày 14/5/2021; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/3/2021 và cùng xác định diện tích tranh chấp là 40,3m^2 thuộc chiết thửa 329-2, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại Khóm 1, Phường B, thành phố V, tỉnh L.

Tại biên bản hòa giải ngày 30/5/2022 bà Th không yêu cầu ông Phùng Văn P chuyển nhượng phần đất còn lại cho ông Tr theo biên bản ngày 31/10/2016, bà yêu cầu anh Q chuyển nhượng 40,3m^2 phần đất tranh chấp cho ông Tr theo giá đã định ngày 14/5/2021 vì vợ chồng ông đã cất nhà ở từ năm 2017 ở cho đến nay. Anh T không đồng ý theo yêu cầu của bà Th, anh không đồng ý chuyển nhượng phần diện tích tranh chấp này cho ông Tr vì thửa đất của anh Q có diện tích 771,1m^2, mà phần tranh chấp với ông Tr là ngay chính giữa thửa đất, nếu anh Q bán diện tích trên cho ông Tr thì phần còn lại anh không sử dụng được, đồng thời anh Q không có nhu cầu chuyển nhượng.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/3/2021, và biên bản định giá ngày 14/5/2021 thì trên phần đất tranh chấp nguyên đơn và bị đơn xác định có 01 căn nhà kết cấu: Nhà tạm, khung cột gỗ tạp, mái tole, không trần, không vách, nền đất + xi măng, hiện trạng đã xuống cấp, tole và đòn tay gỗ bị hư mục, có nhiều chỗ bị mối có diện tích 36,6m^2, giá trị còn lại là 30%, thành tiền là 4.243.594 đồng. Đối với cây trồng thì có 04 cây bưởi từ 10-20 năm, bị đơn xác định là của ông Phèn trồng.

Tại phiên tòa;

Anh Phùng Ngọc Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Châu Hùng Tr bà Trần nguyệt Th, chị Châu Linh Th1, Châu Yến N tháo dỡ căn nhà có kết cấu: Nhà tạm, khung cột gỗ tạp, mái tole, không trần, không vách, nền đất + xi măng, hiện trạng đã xuống cấp, tole và đòn tay gỗ bị hư mục, có nhiều chỗ bị mối để trả phần đất có diện tích 40,3m^2 thuộc chiết thửa 329-2, tờ bản đồ số 24 cho anh Q, anh Q không đồng ý chuyển nhượng phần đất tranh chấp này cho ông Châu Hùng Tr. Trong trường hợp ông Tr bà Th tự nguyện di dời tài sản ra khỏi phần đất của anh thì anh đồng ý hỗ trợ 2.000.000 đồng chi phí di dời và tự nguyện chịu ½ chi phí đo đạc, định giá và xem xét thẩm định tại chỗ.

Bà Trần Nguyệt Th không đồng ý di dời tài sản để trả đất lại cho anh Q. Bà yêu cầu anh Q chuyển nhượng phần đất tranh chấp có diện tích 40,3m^2 thuộc chiết thửa 329 -2, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại Khóm 1, Phường B, thành phố V, tỉnh L cho ông Châu Hùng Tr vì ông Tr đã cất nhà ở từ năm 2017 cho đến nay.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2022/DSST ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố V, tỉnh L đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 157, 158, 165, 166 và Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 166, 170, 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 166, 175, 176 Bộ luật Dân sự .

Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

1.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phùng Ngọc Q.

Buộc ông Châu Hùng Tr, bà Trần Nguyệt Thh, chị Châu Linh Th1, Châu Yến N tháo dỡ căn nhà có kết cấu: Nhà tạm, khung cột gỗ tạp, mái tole, không trần, không vách, nền đất + xi măng, hiện trạng đã xuống cấp, tole và đòn tay gỗ bị hư mục, có nhiều chỗ bị mối để trả lại diện tích lấn chiếm 40,3m^2 cho anh Phùng Ngọc Quí thuộc chiết thửa 329 -2, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại Khóm 1, Phường 9,

thành phố V, tỉnh L; có vị trí tứ cận như trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 16/4/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V (kèm theo trích đo).

Giao cho anh Phùng Ngọc Q 04 cây bưởi.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Châu Hùng Tr.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí dân sự sơ thẩm, chi phí khảo sát đo đạc, thẩm định tại chỗ, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 21/10/2022 bị đơn Châu Hùng Tr và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo cùng nội dung như sau: không đồng ý bản án dân sự sơ thẩm yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh L sửa bản án dân sự sơ thẩm; yêu cầu mời ông Phùng Văn P và chị Phùng Thị Bích H tham gia phiên tòa để xác định ranh giới, mốc giới đã chuyển nhượng; tiến hành khảo sát đo đạc lại thửa đất của bị đơn và nguyên đơn.

- Tại phiên Tòa phúc thẩm: bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan giữ nguyên kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày quan điểm:

Việc tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn chưa xác định được mốc giới nên không thể buộc bị đơn trả lại đất cho nguyên đơn. Yêu cầu tòa đưa ông Phèn và bà Hạnh tham gia tố tụng để xác định phần đất tranh chấp. Đề nghị hủy án để xét xử lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

- Về nội dung: đề nghị hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng áp phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Châu Hùng Tr, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Nguyệt Th, chị Châu Linh Th1, chị Châu Yến N.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2022/DS-ST ngày 12/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố V.

Về chi phí tố tụng sơ thẩm: số tiền 5.100.000 đồng nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí tố tụng sơ thẩm nên ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn. Buộc ông Phùng Ngọc Q nộp chi phí tố tụng sơ thẩm số tiền 5.100.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Châu Hùng Tr được miễn án phí.

Về chi phí tố tụng phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Châu Hùng Tr, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Nguyệt Th, chị Châu Linh Th1, chị Châu Yến N phải chịu theo quy định pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Ngày 12/102022 Tòa án nhân dân Thành phố V, tỉnh L tuyên án sơ thẩm. Ngày 21/10/2022 bị đơn Châu Hùng Tr; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Nguyệt Th, Châu Linh Th1, Châu Yến N nộp đơn kháng cáo là còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn anh Phùng Ngọc Q khởi kiện yêu cầu ông Châu Hùng Tr, bà Trần Nguyệt Th, chị Châu Linh Th1, chị Châu Yến N tháo dỡ căn nhà có kết cấu: nhà tạm, khung cột gổ tạp, mái tole, không trần, không vách, nền đất xi măng, hiện trạng đã xuống cấp, tole và đoàn tay gỗ bị hư mục có nhiều chỗ bị mối để trả phần đất có diện tích 40,3m^2 thuộc chiết thửa 329-2 tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại khóm 1, phường B, Thành phố V, tỉnh L cho nguyên đơn anh Phùng Ngọc Q.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn Châu Hùng Tr; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Nguyệt Th, chị Châu Linh Th1, chị Châu Yến N kháng cáo không đồng ý Bản án dân sự sơ thẩm yêu cầu mời chủ đất cũ ông Phùng Văn P và chị Phùng Thị Bích H tham gia phiên tòa để xác định ranh giới, mốc giới đã chuyển nhượng; tiến hành khảo sát đo đạc lại thửa đất của bị đơn và nguyên đơn.

Xét kháng cáo của bị đơn Châu Hùng Tr; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Nguyệt Th, chị Châu Linh Th1, chị Châu Yến N là không có căn cứ để chấp nhận bởi lẽ:

Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan yêu cầu mời chủ đất trước là ông Phùng Văn P và bà Phùng Thị Bích H tham gia phiên tòa để xác định ranh giới, mốc giới là không cần thiết. Vì tại biên Bản hòa giải ngày 07/7/2020 của Ủy ban nhân dân phường B về việc hòa giải tranh chấp đất thuộc thửa 329 tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại khóm 1, phường B, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long bà Th đại diện bị đơn ông Tr trình bày: " bà có thỏa thuận mua hết phần đất của ông Phùng Văn P diện tích 1547m^2 với giá 900.000.000đ bằng giấy tay sau đó bà trả tiền cho vợ chồng ông P 450.000.000đ vợ chồng bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất một nữa diện tích 770,1m^2 phần đất còn lại bà B và ông P có hứa bán cho vợ chồng bà…. ". Tuy nhiên tại biên bản hòa giải này thì ý kiến của bà B và ông P trình bày: " ông bà có đến gặp ông Tr để hỏi phần đất còn lại ông Tr có mua không để ông bà bán cho người khác thì ông Tr trả lời không mua nên ông bà bán cho anh Q" và việc mua bán đất trên đã được cấp đổi nhiều lần.

Cấp phúc thẩm cũng đã tiến hành đo đạc 02 lần nhưng không thành do khi đo phần đất của bị đơn phát sinh không thống nhất ranh với các chủ đất giáp cận. Mặt khác, phần đất anh Q nhận chuyển nhượng thửa 329 tờ bản đồ số 24 diện tích 771,7m^2 từ ông Phùng Văn P và đã được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố V chỉnh lý trang 3 cho anh Phùng Ngọc Q của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CO 638599 cấp ngày 31/8/2018. Tại công văn số 76/P.TNMT ngày 04/5/2021 của Phòng Tài nguyên và môi trường thì theo sự xác định ranh đất của nguyên đơn có diện tích 775.8m^2 trong đó có 40.3 chiết thửa 329 ông Châu Hùng Tr và bà Trần Nguyệt Th đã xây dựng một căn nhà tạm. Trong 775.8m^2 có 760.5m^2 thuộc thửa số 329 và có 15.3m^2 thuộc rạch công cộng.

Các bên đều xác định phần đất tranh chấp thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn. Nên buộc bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trả lại phần đất có diện tích 40.3m^2 thuộc chiết thửa 329-2 theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 16/4/2021 cho nguyên đơn là có căn cứ.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 14/5/2021 thì phần nhà tạm khung cột gỗ tạp, mái tole, không trần, không vách, nền đất xi măng, hiện trạng đã xuống cấp, tole và đoàn tay gỗ bị hư mục có nhiều chỗ bị mối, giá trị còn lại 30% diện tích 36,6m^2 thành tiền 4.243.594đ. Nguyên đơn không có nhu cầu sử dụng, phần nhà tạm của bị đơn đã xuống cấp và có thể tháo dỡ di dời được nên buộc bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tháo dỡ di dời tài sản để trả đất cho

nguyên đơn. Bị đơn có yêu cầu được giữ lại và mua phần đất theo giá tại biên bản định giá. Nhưng phía nguyên đơn không đồng ý. Theo quy định phần đất các bên tranh chấp thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền định đoạt tài sản của mình theo quy định tại điều 194 của Bộ luật dân sự. Do đó kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ để chấp nhận.

Về chi phí khảo sáo đo đạc tại cấp sơ thẩm ông Châu Hùng Tr phải chịu 5.100.000đ để trả lại cho anh Q. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn anh Phùng Ngọc Q tự nguyện chịu chi phí khảo sát đo đạc tại sơ thẩm số tiền 5.100.000 đồng nên ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn. Do đó ông Tr không phải nộp số tiền khảo sát đo đạc tại cấp sơ thẩm.

Từ những nhận định:

Xét kháng cáo của bị đơn Châu Hùng Tr; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Nguyệt Th, Châu Linh Th1, Châu Yến N là không có cơ sở để chấp nhận.

Xét đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có căn cứ.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn Châu Hùng Tr; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Nguyệt Th, Châu Linh Th1, Châu Yến N không phải chịu phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Về chí phí khảo sát đo đạc:

Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí khảo sát đo đạc tại cấp sơ thẩm là 5.100.000đ nên chấp nhận. Nguyên đơn đã nộp xong.

Chi phi đo đạc ở cấp phúc thẩm: bị đơn Châu Hùng Tr phải chịu 1.220.000đ. Bị đơn đã nộp xong.

[5] Các quyết định khác của bản án dân sự có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Châu Hùng Tr;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Nguyệt Th, Châu Linh Th1, Châu Yến N.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2022/DSST ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố V, tỉnh L.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 157, 158, 165, 166 và Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 166, 170, 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 166, 175, 176 Bộ luật Dân sự .

Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

1.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phùng Ngọc Q.

Buộc ông Châu Hùng Tr, bà Trần Nguyệt Th, chị Châu Linh Th1, Châu Yến N tháo dỡ căn nhà có kết cấu: Nhà tạm, khung cột gỗ tạp, mái tole, không trần, không vách, nền đất + xi măng, hiện trạng đã xuống cấp, tole và đòn tay gỗ bị hư mục, có nhiều chỗ bị mối để trả lại diện tích lấn chiếm 40,3m^2 cho anh Phùng Ngọc Q thuộc chiết thửa 329 -2, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại Khóm 1, Phường B, thành phố V, tỉnh L; có vị trí tứ cận như trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 16/4/2021 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V (kèm theo trích đo).

Giao cho anh Phùng Ngọc Q quản lý sử dụng 04 cây bưởi nằm trên phần đất tranh chấp.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Châu Hùng Tr.

2. Về chi phí khảo sát đo đạc:

Buộc nguyên đơn anh Phùng Ngọc Q nộp số tiền chi phí khảo sát đo đạc ở cấp sơ thẩm là 5.100.000đ. Anh Q đã nộp xong.

Tại cấp phúc thẩm: buộc bị đơn Châu Hùng Tr phải chịu 1.220.000đ. Ông Tr đã nộp xong

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn ông Châu Hùng Tr, bà Trần Nguyệt Th, Châu Linh Th1, Châu Yến N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại ông Tr 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0001581; hoàn

lại bà Th, chị Th1, chị N tiền tạm ứng án phí đã nộp 900.000đ theo Biên lai thu số 0001580 ngày 21/10/2022 cùng của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố V, tỉnh L.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND CC tại TP HCM: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- CA.TAND TVL: 01b;
- Phòng KTNV&THA TAND TVL: 01b;
- TAND TPVL: 01b;
- Chi cục THADS TPVL : 01b;
- Mỗi đương sự: 01b;
- Lưu HS: 06b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Lạc